

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN 6

NĂM HỌC: 2021-2022

TUẦN 10: Từ 08/11/2021 đến 13/11/2021

Tiết 1+2

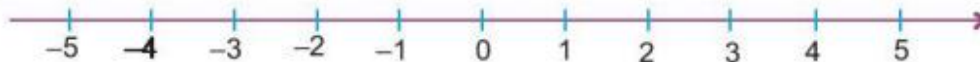
Chương II: Số nguyên

Bài 1: **Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên (t2 +3)**

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

3) **Biểu diễn số nguyên trên trục số (t2)**

Các em đọc SGK và giải bài tập hoạt động khám phá 3 (trang 52)

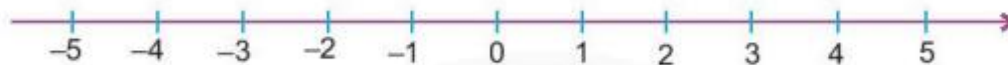


Em hãy vẽ vào vở theo hướng dẫn sau:

- Vẽ một đường thẳng nằm ngang, trên đó đánh dấu các điểm cách đều nhau như trong hình.
- Chọn một điểm để ghi số 0 và gọi đó là điểm 0, các điểm bên phải điểm 0 biểu diễn các số nguyên dương và được ghi là 1; 2; 3; ... Các điểm bên trái điểm 0 biểu diễn các số nguyên âm và được ghi là -1; -2; -3; ...

Chẳng hạn, để ghi số 3, ta di chuyển ba vạch về bên phải số 0; để ghi số -4, ta di chuyển bốn vạch về bên trái số 0.

Người ta biểu diễn các số nguyên như trong hình dưới đây.



Hình biểu diễn các số nguyên như trên gọi là **trục số**.

Điểm 0 (không) được gọi là **điểm gốc** của trục số.

Chiều từ trái sang phải gọi là **chiều dương**, chiều từ phải sang trái gọi là **chiều âm** của trục số.

Điểm biểu diễn số nguyên a trên trục số gọi là điểm a .

Các em làm ví dụ 4:

Ví dụ 4: Các điểm a, b, c ở hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

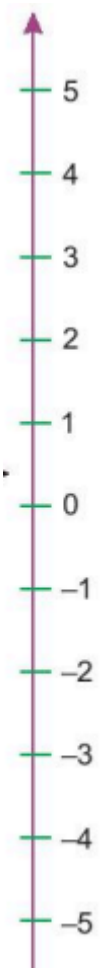


Các em làm Thực hành 4

Thực hành 4

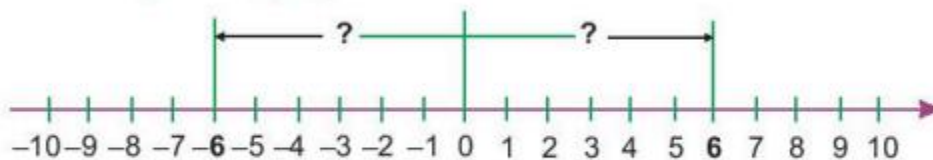
Hãy vẽ một trục số rồi biểu diễn các số -1 ; -5 ; 1 ; 5 ; -4 trên trục số đó.

* Chú ý: Ta cũng có thể vẽ trục số thẳng đứng.



4. Số đối của một số nguyên (t3)

Các em đọc SGK và giải bài tập hoạt động khám phá 4 (trang 52)



Trên trục số, mỗi điểm -6 ; 6 cách điểm 0 bao nhiêu đơn vị?

Các em ghi nhớ kiến thức sau;



Hai số nguyên trên trục số nằm ở hai phía của điểm 0 và cách đều điểm 0 được gọi là **hai số đối nhau**.

Ví dụ 5: 6 là **số đối** của -6 , -6 là số đối của 6 .

1 là số đối của -1 , -1 là số đối của 1 .

Chú ý:

- Số đối của một số nguyên dương là một số nguyên âm.
- Số đối của một số nguyên âm là một số nguyên dương.
- Số đối của 0 là 0 .

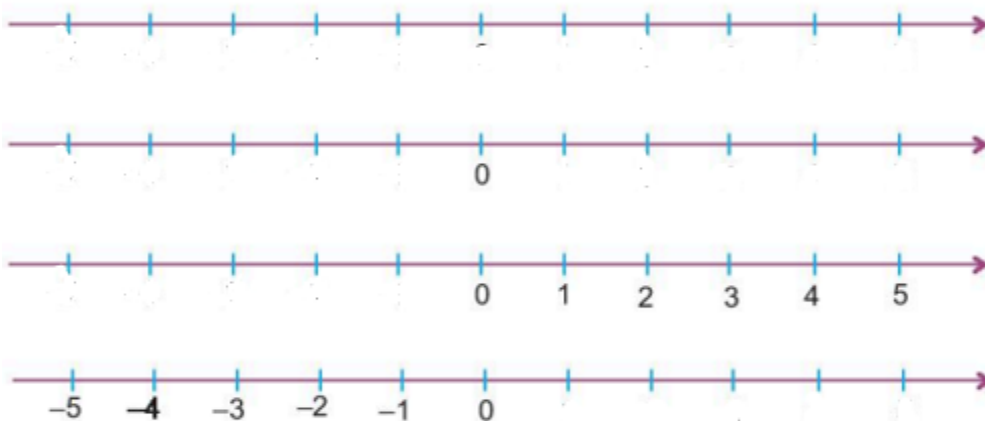
Các em làm thực hành 5

Thực hành 5

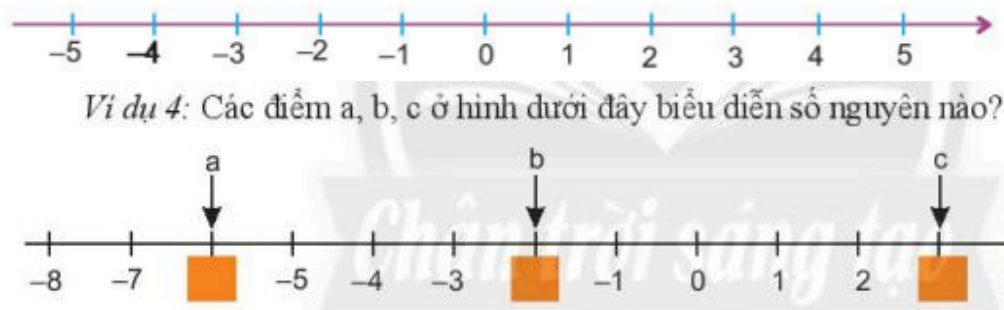
Tìm số đối của mỗi số sau: 5 ; -4 ; -10 ; 2020 .

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

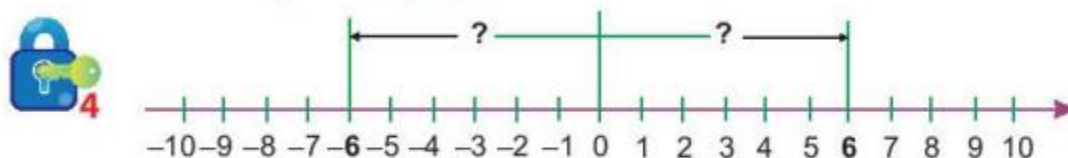
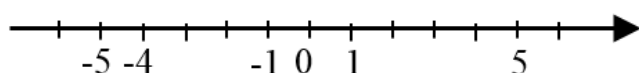
Hoạt động khám phá 3: Các em vẽ hình theo các bước sau



Cuối cùng ta biểu diễn các số nguyên như sau gọi là trục số



Thực hành 4:



Trên trục số, mỗi điểm -6; 6 cách điểm 0 bao nhiêu đơn vị?

Trên trục số, mỗi điểm -6; 6 cách điểm 0: sáu đơn vị.

=> Hai số nguyên trên trục số nằm ở hai phía của điểm 0 và cách đều điểm 0 được gọi là **hai số đối nhau**.

Thực hành 5:

Số đối của 5 là - 5.

Số đối của - 4 là 4.

Số đối của - 10 là 10.

Số đối của 2 020 là - 2 020.

III/ Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

- Các em làm bài tập 3(SGK/ trang 53)
- Các em làm bài 6 (SGK/trang 54)

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, đề hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

Chúc các em học thật giỏi

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN 6

NĂM HỌC: 2021-2022

TUẦN 10: Từ 08/11/2021 đến 13/11/2021

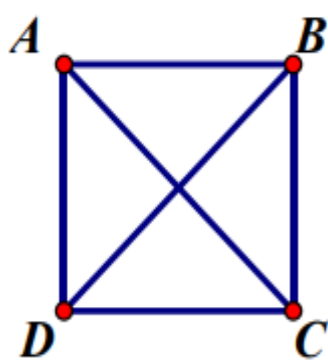
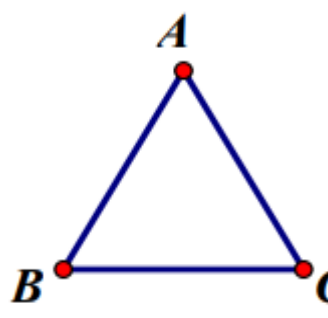
Tiết 3 + 4

ÔN TẬP CHƯƠNG 3

A. Hoạt động 1: Nhắc lại các kiến thức đã học

ÔN TẬP CHƯƠNG 3

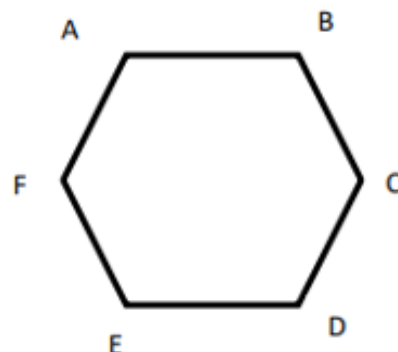
(Học sinh xem lại kiến thức, không cần ghi chép)

1. Hình vuông - Bốn đỉnh: A, B, C, D - Bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DA$ - Các đường chéo: AC, BD. - Bốn góc bằng nhau và bằng góc vuông. - Hai đường chéo là AC và BD. Chu vi: $P = a. 4$ Diện tích: $S = a. a$	
2. Tam giác đều - Ba đỉnh: A, B, C . - Ba cạnh bằng nhau: $AB = AC = BC$. - Ba góc đỉnh A, B, C bằng nhau. - Tam giác ABC như thế được gọi là tam giác đều.	

3. Lục giác đều

- Sáu đỉnh A, B, C, D, E, F.
 - Sáu cạnh bằng nhau.
 - Sáu góc đỉnh A, B, C, D, E, F bằng nhau.
 - Ba đường chéo chính là AD, BE, CF.
- Hình ABCDEF như thế được gọi là hình lục giác đều.

$$AB = BC = CD = DE = EF = FA$$

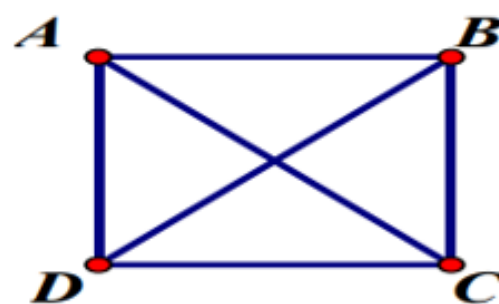


4. Hình chữ nhật

- Bốn đỉnh A, B, C, D.
- Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau: $AB = CD$; $BC = AD$.
- Hai cặp cạnh đối diện song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Bốn góc đỉnh A, B, C, D bằng nhau và bằng góc vuông.
- Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường: $AC = BD$ và $OA = OC$; $OB = OD$.

Chu vi: $P = (a+b).2$

Diện tích: $S = a.b$

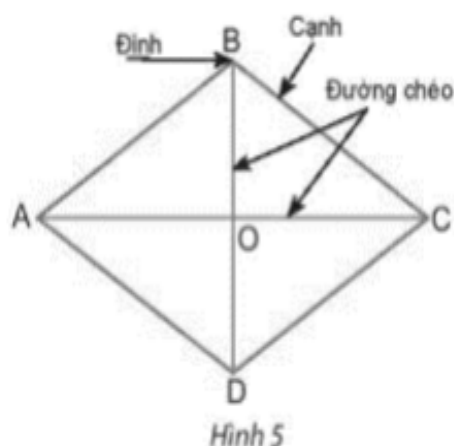


5. Hình thoi

- Bốn đỉnh A, B, C, D.
- Bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DA$.
- Hai cặp cạnh đối diện song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Hai đường chéo AC và BD vuông góc với nhau.

Chu vi: $P = 4a$

Diện tích: $S = (m.n):2$



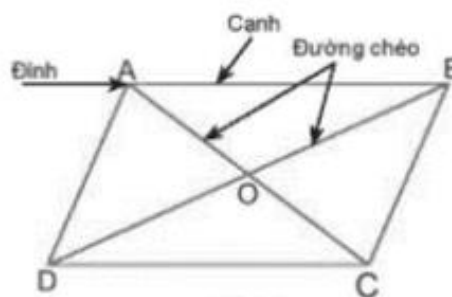
6. Hình bình hành

- Bốn đỉnh A, B, C, D.
- Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau:
 $AB = CD; BC = AD.$
- Hai cặp cạnh đối diện song song: AB song song với CD; BC song song với AD.
- Hai cặp góc đối diện bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh C, góc đỉnh B bằng góc đỉnh D.
- Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:

$$OA = OC; OB = OD.$$

$$\text{Chu vi: } P = 2(a+b)$$

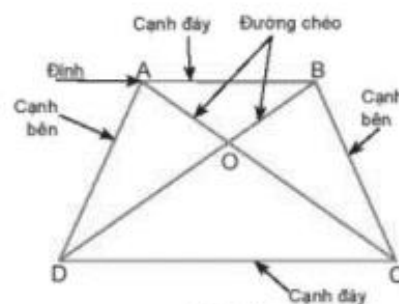
$$\text{Diện tích: } S = a.h$$



Hình 8

7. Hình thang cân

- Hai cạnh đáy song song: AB song song với CD.
 - Hai cạnh bên bằng nhau: $BC = AD.$
 - Hai góc kề một đáy bằng nhau: góc đỉnh A bằng góc đỉnh B, góc đỉnh C bằng góc đỉnh D.
 - Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD.$
- Hình thang ABCD như thế được gọi là hình thang cân.

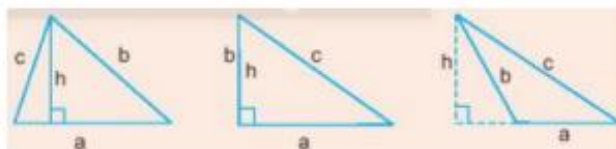


Hình 10

* Hình tam giác:

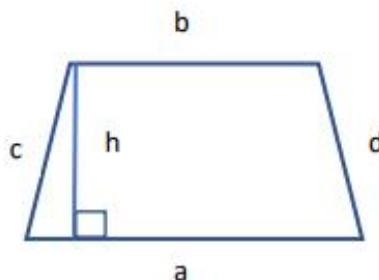
$$P = a + b + c$$

$$S = \frac{1}{2} a.h$$



- Hình thang:

$$P = a + b + c + d$$



B. Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

I.CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

Chọn đáp án đúng

- Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 50m và 60m thì có diện tích là:
A $300m^2$ B $3000m^2$ C $1500m^2$ D $150m^2$
- Hình thang cân có độ dài hai cạnh đáy và chiều cao lần lượt là 40m, 30m, 25m có diện tích là
A $1750m^2$ B $175m^2$ C $875m^2$ D $8750m^2$
- Hình bình hành có độ dài một cạnh và độ cao tương ứng lần lượt là 70 dm và 50 dm có diện tích là
A $35m^2$ B $3500m^2$ C $17,5m^2$ D $350m^2$

II/ BÀI TẬP TỰ LUẬN

- Em hãy vẽ các hình sau đây

a) Vẽ tam giác đều ABC cạnh 5 cm	b) Vẽ hình chữ nhật ABCD có một chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm.
c) Vẽ hình vuông ABCD cạnh 3cm.	

GV: hướng dẫn HS vẽ hình
Câu a)

Vẽ tam giác đều

Vẽ tam giác đều ABC cạnh 5cm bằng thước và compa theo hướng dẫn sau:

- Vẽ đoạn thẳng $AB = 5\text{ cm}$.
- Lấy A, B làm tâm, vẽ hai đường tròn bán kính 5 cm.

Gọi C là một trong hai giao điểm của hai đường tròn. Nối C với A và C với B ta được tam giác đều ABC.

Câu b)

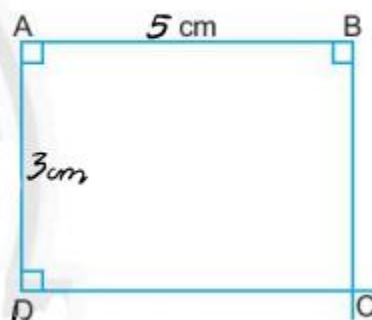
Vẽ hình chữ nhật

Vẽ hình chữ nhật ABCD có $AB = 5\text{ cm}$, $AD = 3\text{ cm}$ theo hướng dẫn sau:

- Vẽ đoạn thẳng $AB = 5\text{ cm}$ và đoạn thẳng $AD = 3\text{ cm}$ vuông góc với nhau.
- Qua B vẽ đường thẳng vuông góc với AB.
- Qua D vẽ đường thẳng vuông góc với AD.

Hai đường thẳng này cắt nhau ở C.

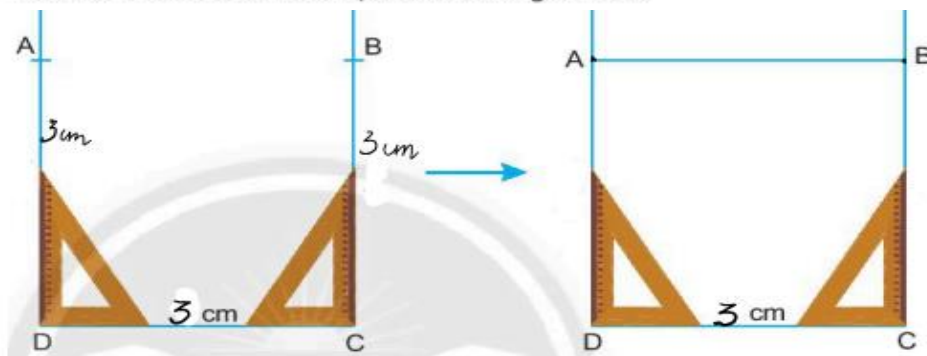
ABCD là hình chữ nhật cần vẽ.



Câu c)

Vẽ hình vuông cạnh 3cm bằng thước và êke theo hướng dẫn sau:

- Vẽ đoạn thẳng CD dài 3 cm.
- Vẽ hai đường thẳng vuông góc với CD tại C và D như hình vẽ.
- Trên đường thẳng qua C lấy đoạn thẳng $CB = 3\text{ cm}$; trên đường thẳng qua D lấy đoạn thẳng $DA = 3\text{ cm}$.
- Nối hai điểm A và B ta được hình vuông cần vẽ.



2. Hình dưới đây gồm các hình nào?

.....



3. Hãy đếm xem hình dưới đây có bao nhiêu hình thang cân, bao nhiêu hình lục giác đều?

.....



C. Hoạt động 3: Hướng dẫn bài tập về nhà

- Xem lại nội dung kiến thức toàn bộ các bài trong chương.
- Làm bài 2;4;6 (SGK/trang 93)

D. Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

Chúc các em học thật giỏi